

ĐỀ SỐ 1

Câu 1: (6,0 điểm) Cho hình chóp $S.ABC$ có đáy ABC là một tam giác đều cạnh bằng a ; $SA = h$ và vuông góc với đáy gọi H là trực tâm tam giác ABC .

- 1). Xác định chân đường vuông góc I hạ từ H đến mặt phẳng (SBC) .
- 2). Chứng minh I là trực tâm tam giác SBC .
- 3). Tính thể tích hình chóp $H.SBC$ theo a và h .

Câu 2: (4,0 điểm) Cho hình hộp chữ nhật $ABCD.A'B'C'D'$ có $AB = a$, $BC = 2a$, $AA' = a$. Lấy điểm M trên cạnh AD sao cho $AM = 3MD$

- 1). Mặt phẳng $(B'AC)$ chia khối hộp thành hai khối đa diện nào?
- 2). Tính thể tích khối chóp $M.AB'C$.

.....Hết.....

ĐỀ SỐ 2

Bài 1: (5đ) Cho hình lăng trụ đứng tam giác $ABC.A'B'C'$ có đáy là tam giác đều cạnh a , mặt phẳng $(A'BC)$ tạo với mặt phẳng (ABC) một góc 30° , M là trung điểm của BC . Chứng minh rằng $A'MA = 30^\circ$ và tính thể tích khối lăng trụ $ABC.A'B'C'$ theo a .

Bài 2: (5đ) Cho hình chóp $S.ABCD$ có đáy $ABCD$ là hình vuông cạnh a , cạnh bên SA vuông góc với đáy, cạnh bên SC tạo với đáy một góc 60° .

- 1) Tính thể tích của khối chóp $S.ABCD$ theo a . (3đ)
- 2) Gọi M là trung điểm của SA , mp (MBC) cắt SD tại N . Tứ giác $MBCN$ là hình gì? (1đ)
- 3) Mặt phẳng $(MBCN)$ chia khối chóp $S.ABCD$ thành hai phần. Tính tỉ số thể tích của hai phần đó (1đ)

.....Hết.....

ĐỀ SỐ 3

Bài 1 Cho tứ diện $S.ABC$ có SA vuông góc với (ABC) , tam giác SBC đều cạnh a và nằm trong mặt phẳng hợp với mặt đáy một góc 60° .

- a) Tính thể tích $S.ABC$.
- b) Gọi G là trọng tâm tam giác ABC . Tính khoảng cách từ G đến (SBC) .

Bài 2 Cho lăng trụ $ABC.A'B'C'$ có đáy ABC là tam giác vuông tại A , $AC = 2AB$.

Biết $A'A = A'B = A'C = a$ và $A'A$ hợp với đáy một góc 60° .

- a) Chứng minh $(A'BC)$ vuông góc với (ABC) .
- b) Tính thể tích lăng trụ $ABC.A'B'C'$.
- c) Gọi M bất kỳ trên AA' . Chứng minh rằng thể tích chóp $M.BCC'B'$ không đổi. Tính thể tích đó.

.....Hết.....

ĐỀ SỐ 4

Bài 1: Cho lăng trụ đứng $ABC.A'B'C'$ có đáy ABC là tam giác vuông cân tại B , $AB = AA' = a$.

- a) Tính thể tích của khối lăng trụ $ABC.A'B'C'$.
- b) Mặt phẳng $(AB'C')$ chia khối lăng trụ $ABC.A'B'C'$ thành hai khối đa diện. Tính thể tích của khối đa diện không chứa đỉnh A' .

Bài 2: Cho hình chóp $S.ABCD$ có đáy $ABCD$ là hình vuông cạnh a , cạnh bên SA vuông góc với mặt phẳng đáy và góc giữa cạnh bên SB với mặt phẳng đáy bằng 60° . Gọi M là trung điểm của SD .

- a) Tính thể tích khối chóp $S.ABCD$.
- b) Tính thể tích của khối tứ diện $MACD$. Từ đó suy ra khoảng cách từ D đến mặt phẳng (MAC) .

.....Hết.....

ĐỀ SỐ 5

Bài 1: Cho lăng trụ đứng $ABC.A'B'C'$ có đáy ABC là tam giác vuông cân tại A , $AB = AA' = a$.

- a) Tính thể tích của khối lăng trụ $ABC.A'B'C'$.
- b) Mặt phẳng $(BA'C')$ chia khối lăng trụ $ABC.A'B'C'$ thành hai khối đa diện. Tính thể tích của khối đa diện không chứa đỉnh B' .

Bài 2: Cho hình chóp $S.ABCD$ có đáy $ABCD$ là hình vuông cạnh a , cạnh bên SA vuông góc với mặt phẳng đáy và góc giữa cạnh bên SD với mặt phẳng đáy bằng 60° . Gọi E là trung điểm của SB .

- a) Tính thể tích khối chóp $S.ABCD$.
- b) Tính thể tích của khối tứ diện $EABC$. Từ đó suy ra khoảng cách từ B đến mặt phẳng (EAC) .

.....Hết.....

ĐỀ SỐ 6

Câu 1 (3,0 điểm): Tính thể tích của khối lăng trụ tam giác đều có tất cả các cạnh bằng 4cm

Câu 2 (3,5 điểm): Cho hình chóp tứ giác đều S.ABCD có đáy ABCD là hình vuông cạnh bằng 2a. Góc giữa cạnh bên với mặt phẳng đáy bằng 60° . Tính thể tích của khối chóp S.ABCD theo a.

Câu 3 (3,5 điểm): Cho hình chóp S.ABC có đáy ABC là tam giác vuông tại C, cạnh SA vuông góc với đáy, $BC = a$; $AC = a\sqrt{2}$ và $SC = a\sqrt{3}$.

a) Tính thể tích của khối chóp.

b) Trên cạnh BC lấy điểm D sao cho $BD = \frac{2}{3}BC$. Tìm tỷ số thể tích của khối chóp S.ADC và S.ADB

.....Hết.....

ĐỀ SỐ 7

Câu 1: (4 điểm) Cho khối hộp chữ nhật ABCD.A'B'C'D' có $AB=3\text{cm}$; $BC=4\text{cm}$; $DD'=5\text{cm}$

1.1/ Tính thể tích khối hộp ABCD.A'B'C'D'

1.2/ Tính thể tích khối chóp A'.ABD

Câu 2: (3 điểm) Tính thể tích khối chóp tứ giác đều có tất cả các cạnh bằng 2cm

Câu 3: (3 điểm) Cho hình chóp S.ABC, trên các cạnh SA;SB;SC lần lượt lấy các điểm M;N;P sao cho

$$SM = \frac{1}{2}SA; SN = \frac{1}{3}SB; SP = \frac{1}{4}SC$$

3.1/ Tính tỉ số thể tích của hai khối chóp S.ABC và S.MNP

3.2/ Lấy Q trên cạnh BC sao cho $CQ = 4BQ$. Tính tỉ số thể tích của hai khối chóp S.ABQ và S.ACQ

.....Hết.....

ĐỀ SỐ 8

Câu 1: Cho khối chóp S.ABCD có $SA \perp (ABCD)$ có $SA=2a$. Đáy ABCD là hình chữ nhật có $AB=a\sqrt{2}$ và $AD=a$.

a. Tính thể tích khối chóp S.ABCD theo a.

b. Tính thể tích khối chóp S.ABD theo a.

c. Gọi M là trung điểm của cạnh SB. Tính thể tích của khối tứ diện M.ABC theo a.

Câu 2: Cho hình lăng trụ đứng ABC.A'B'C' có đáy là tam giác đều cạnh bằng a, cạnh $AB'=a\sqrt{3}$.

a. Tính thể tích của hình lăng trụ ABC.A'B'C' theo a.

b. Gọi D là điểm thuộc cạnh AA' sao cho $\frac{A'D}{AD} = \frac{2}{3}$. Tính tỉ số thể tích của chóp D.ABC và hình lăng trụ ABC.A'B'C'

.....Hết.....

ĐỀ SỐ 9

Câu 1: Cho khối chóp S.ABCD có $SA \perp (ABCD)$ có $SA=a$. Đáy ABCD là hình chữ nhật có $AB=a\sqrt{3}$ và $BC=a$.

a. Tính thể tích khối chóp S.ABCD theo a.

b. Tính thể tích khối chóp S.ABD theo a.

c. Gọi M là trung điểm của cạnh SD. Tính thể tích của khối tứ diện M.ADC theo a.

Câu 2: Cho hình lăng trụ đứng ABC.A'B'C' có đáy là tam giác đều cạnh bằng 2a, cạnh $A'B=a\sqrt{3}$.

a. Tính thể tích của hình lăng trụ ABC.A'B'C' theo a.

b. Gọi D là điểm thuộc cạnh AA' sao cho $\frac{A'D}{AD} = \frac{1}{3}$. Tính tỉ số thể tích của chóp D.ABC và hình lăng trụ ABC.A'B'C'

.....Hết.....

ĐỀ SỐ 10

Câu I (4 điểm). Cho chóp đều S.ABCD cạnh đáy bằng $2a$, cạnh bên bằng $a\sqrt{3}$. Tính thể tích khối chóp S.ABCD.

Câu II (6 điểm). Cho tứ diện SABC có SAC và ABC là hai tam giác vuông cân, chung đáy AC và nằm trong hai mặt phẳng vuông góc với nhau, biết $AC = a\sqrt{2}$.

1. Tính thể tích khối tứ diện SABC.

2. Gọi M là trung điểm của SB. Tính thể tích khối tứ MABC.

3. Gọi H là hình chiếu vuông góc của M lên SC. Tính thể tích khối đa diện AHMBC.

.....Hết.....

ĐỀ SỐ 11

Câu 1. Cho hình chóp tam giác S.ABC có $SA \perp (ABC)$, $SA = 3a$. Tam giác ABC vuông tại C, $AB = a\sqrt{2}$, $BC = a$.

a. (3 điểm) Tính thể tích khối chóp S.ABC.

b. (2 điểm) Gọi I là trung điểm của SC. Tính thể tích khối chóp I.ABC.

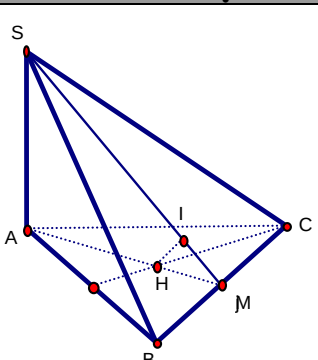
Câu 2. Cho hình chóp tứ giác đều SABCD, cạnh đáy bằng $2a$, góc hợp bởi cạnh bên và đáy bằng 60° .

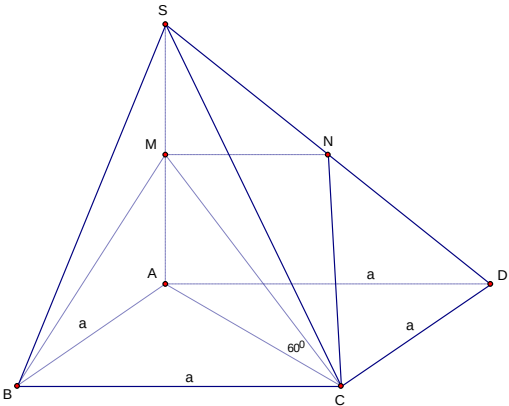
a. (3 điểm) Tính thể tích khối chóp S.ABCD.

b. (2 điểm) Gọi H là hình chiếu vuông góc của điểm B lên đường thẳng SD. Tính thể tích khối đa diện SABCH.

.....Hết.....

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 1

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1 (6,0 điểm)	 + Hình vẽ (0.5đ) 1). (1.5đ) + Gọi M là trung điểm đoạn thẳng BC . + Trong tam giác SAM từ H dựng HI vuông góc SM . + Chứng minh HI vuông góc mặt phẳng (SBC) . 2). (1.0đ) + Chỉ ra : $SM \perp BC$ + Chứng minh : $CI \perp SB$ 3). (3.0đ) + $V = \frac{1}{3} B h$ + $B = dt (\square SBC) = \frac{a\sqrt{4h^2 + 3a^2}}{4}$ + $IH = \frac{ah}{3} \sqrt{\frac{3}{4h^2 + 3a^2}} = \frac{ah}{\sqrt{3(4h^2 + 3a^2)}}$	0,5đ 0,5đ 0,5đ 0,5đ 0,5đ 0,5đ 0,5đ 1,0đ 1,0đ

	Vậy $V = S_{\Delta ABC} \cdot AA' = \frac{a^2 \sqrt{3}}{4} \cdot \frac{a}{2} = \frac{a^3 \sqrt{3}}{8}$ (đvtt)	
Bài 2	Cho hình chóp S.ABCD có đáy ABCD là hình vuông cạnh a, cạnh bên SA vuông góc với đáy, cạnh bên SC tạo với đáy một góc 60° .	5đ
	1) Tính thể tích của khối chóp S.ABCD theo a.	3đ
	 - Do $SA \perp (ABCD)$ nên AC là hình chiếu của SC lên mp(ABCD) Suy ra: $\angle SCA$ là góc giữa SC và mp(ABCD) $\Rightarrow \angle SCA = 60^\circ$ - Thể tích V của S.ABCD là: $V = \frac{1}{3} S_{ABCD} \cdot SA$ - Do ABCD là hình vuông cạnh a nên: $AC = a\sqrt{2}$ và $S_{ABCD} = a^2$ - Xét tam giác vuông SAC ta có: $SA = AC \cdot \tan 60^\circ = a\sqrt{2} \cdot \sqrt{3} = a\sqrt{6}$ - Vậy $V = \frac{1}{3} S_{ABCD} \cdot SA = \frac{1}{3} a^2 \cdot a\sqrt{6} = \frac{a^3 \sqrt{6}}{3}$ (đvtt)	0.5 0.5 0.5 0.5 0.5
	2) Gọi M là trung điểm của SA, mặt phẳng (MBC) cắt SD tại N. Tứ giác MBCN là hình gì?	1đ
	(MBC) và (SAD) có điểm chung M và $BC \parallel AD$ nên $MN \parallel BC \parallel AD$ (1) - Do $\begin{cases} AD \perp (SAB) \\ MN \parallel AD \end{cases} \Rightarrow MN \perp (SAB) \Rightarrow MN \perp MB$ (2) - Từ (1) và (2) suy ra MBCN là hình thang vuông tại M và B	0.5 0.25 0.25
	3) Mặt phẳng (MBCN) chia khối chóp S.ABCD thành hai phần. Tính tỉ số thể tích của hai phần đó.	1đ
	- M là trung điểm SA và $MN \parallel AD$ nên N là trung điểm SD $V_{SABC} = V_{SACD} = \frac{1}{2} V_{SABCD}$ $\frac{V_{S.MBC}}{V_{SABC}} = \frac{SM}{SA} = \frac{1}{2} \Rightarrow V_{S.MBC} = \frac{1}{4} \cdot V_{SABCD}$ (1) $\frac{V_{S.MCN}}{V_{SACD}} = \frac{SM}{SA} \cdot \frac{SN}{SD} = \frac{1}{4} \Rightarrow V_{S.MCN} = \frac{1}{8} \cdot V_{SABCD}$ (2) (1) và (2) suy ra: $V_{S.MBCN} = V_{S.MBC} + V_{S.MCN} = \frac{3}{8} V_{SABCD} \Rightarrow \frac{V_{S.MBCN}}{V_{ABCDMN}} = \frac{3}{5}$	0.25 0.25 0.25 0.25

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 3

CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
-----	----------	------

1		
a)	$V = \frac{1}{3} B.h$ $B = S_{ABC} = S_{SBC} \cdot \cos 60^\circ = \frac{a^2 \sqrt{3}}{8}$	1
	$SA \perp (ABC) \Rightarrow h = SA$ Gọi K là trung điểm BC $\Rightarrow$ Góc giữa (SBC) và (ABC) là SKA $\Rightarrow SKA = 60^\circ$ $SA = SK \cdot \sin 60^\circ = \frac{3a}{4}$	1
	$V = \frac{1}{3} \frac{a^2 \sqrt{3}}{8} \frac{3a}{4} = \frac{a^3 \sqrt{3}}{32} \text{ (dvtt)}$	0.5
b)	G là trọng tâm tam giác ABC nên $S_{GBC} = \frac{1}{3} S_{ABC} \Rightarrow V_{SGBC} = \frac{1}{3} V_{SABC}$	1
	$V_{SGBC} = \frac{1}{3} S_{SBC} \cdot h_1$ với h_1 là khoảng cách từ G đến (SBC). $\Rightarrow h_1 = 3V_{SGBC} / S_{SBC} = V_{SGBC} / S_{SBC}$	1
	$h_1 = \frac{a}{4}$	0.5
2	Cho lăng trụ ABC.A'B'C' có đáy ABC là tam giác vuông tại A, $AC = 2AB$. Biết $A'A = A'B = A'C = a$ và A'A hợp với đáy một góc 60° . a) Chứng minh (A'BC) vuông góc với (ABC). b) Tính thể tích lăng trụ ABC.A'B'C'. c) Gọi M bất kỳ trên AA'. Chứng minh rằng thể tích chóp M.BCC'B' không đổi. Tính thể tích đó.	
a)	Gọi H là hình chiếu của A' lên (ABC) $\Rightarrow A'H \perp (ABC)$ $A'A = A'B = A'C \Rightarrow HA = HB = HC \Rightarrow H$ là trung điểm BC	0.5
	$A'H \subset (A'BC) \Rightarrow (A'BC) \perp (ABC)$	0.5
b)	AH là hình chiếu của AA' lên (ABC) nên góc giữa AA' và (ABC) là $\angle A'AH \Rightarrow \angle A'AH = 60^\circ \Rightarrow A'H = AA' \cdot \sin 60^\circ = \frac{a\sqrt{3}}{2}$	1
	$AH = AA' \cdot \cos 60^\circ = \frac{a}{2} \Rightarrow BC = a \Rightarrow AB^2 = \frac{a^2}{5} \Rightarrow S_{ABC} = \frac{a^2}{5}$	1
	$V_{LT} = \frac{a^2}{5} \frac{a\sqrt{3}}{2} = \frac{a^3 \sqrt{3}}{10} \text{ (dvtt)}$	0.5
c)	Do $AA' \parallel (BCC'B')$ nên: $V_{M.BCC'B'} = V_{A'.BCC'B'} = V_{LT} - V_{A'.ABC}$	0.5
	$V_{A'.ABC} = \frac{1}{3} V_{LT}$	0.5

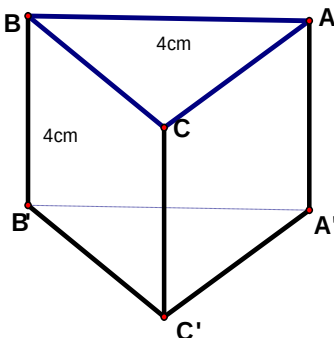
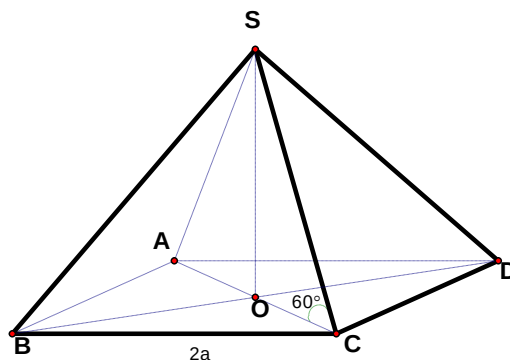
	$V_{M.BCC'B'} = \frac{2}{3} V_{LT} = \frac{a^3\sqrt{3}}{15}$	0.5
--	--	-----

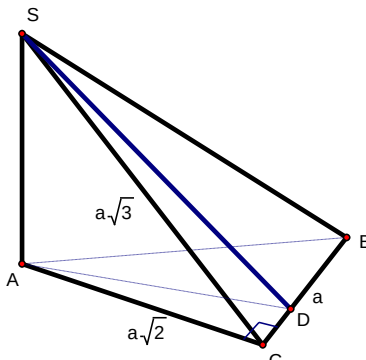
ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 4,5

ĐỀ 4		ĐỀ 5		Điểm	
Bài 1.		Bài 1.		4 điểm	
Hình vẽ đến câu a.		Hình vẽ đến câu a.		0,5	
a.		a.			
Tính được $S_{\Delta ABC} = \frac{1}{2} BA.BC = \frac{a^2}{2}$		Tính được $S_{\Delta ABC} = \frac{1}{2} AB.AC = \frac{a^2}{2}$		0,5	2,0
Ghi được $V_{ABC.A'B'C'} = S_{\Delta ABC}.AA'$		Ghi được $V_{ABC.A'B'C'} = S_{\Delta ABC}.AA'$		1,0	
Tính được $V_{ABC.A'B'C'} = \frac{a^3}{2}$		Tính được $V_{ABC.A'B'C'} = \frac{a^3}{2}$		0,5	
b. Nói được $(AB'C')$ chia khối lăng trụ thành hai khối đa diện nào		b. Nói được $(BA'C')$ chia khối lăng trụ thành hai khối đa diện nào		0,5	1,5
Ghi được $V_{AA'B'C'} = \frac{1}{3}.S_{\Delta A'B'C'}.AA'$		Ghi được $V_{BA'B'C'} = \frac{1}{3}.S_{\Delta A'B'C'}.BB'$		0,5	
Tính được $V_{AA'B'C'} = \frac{a^3}{6}$		Tính được $V_{BA'B'C'} = \frac{a^3}{6}$			
Ghi được $V_{ABCB'C'} = V_{ABC.A'B'C'} - V_{AA'B'C'}$		Ghi được $V_{ABCA'C'} = V_{ABC.A'B'C'} - V_{BA'B'C'}$		0,25	
Tính được $V_{ABCB'C'} = \frac{a^3}{3}$		Tính được $V_{ABCB'C'} = \frac{a^3}{3}$		0,25	
Bài 2		Bài 2		6,0 điểm	
Hình vẽ đến câu a		Hình vẽ đến câu a		0,5	
a.		a.			2,5
Giải thích được $SBA = 60^0$		Giải thích được $SDA = 60^0$		0,5	
Tính được $SA = a\sqrt{3}$		Tính được $SA = a\sqrt{3}$		0,5	
Tính được $S_{ABCD} = a^2$		Tính được $S_{ABCD} = a^2$		0,5	
Ghi đúng $V_{S.ABCD} = \frac{1}{3}.S_{ABCD}.SA$		Ghi đúng $V_{S.ABCD} = \frac{1}{3}.S_{ABCD}.SA$		0,5	
Tính được $V_{S.ABCD} = \frac{\sqrt{3}.a^3}{3}$		Tính được $V_{S.ABCD} = \frac{\sqrt{3}.a^3}{3}$		0,5	
b. Gọi H là trung điểm AD.		b. Gọi H là trung điểm AB.			
Chứng minh $MH \perp (ADC)$ và $MH = \frac{a\sqrt{3}}{2}$		Chứng minh $EH \perp (ABC)$ và $EH = \frac{a\sqrt{3}}{2}$		0,5	1,5
Tính được $S_{\Delta ACD} = \frac{a^2}{2}$		Tính được $S_{\Delta ABC} = \frac{a^2}{2}$		0,25	
Ghi được $V_{MACD} = \frac{1}{3}S_{\Delta ACD}.MH$		Ghi được $V_{EABC} = \frac{1}{3}S_{\Delta ABC}.EH$		0,5	
Tính được $V_{MACD} = \frac{\sqrt{3}.a^3}{12}$		Tính được $V_{EABC} = \frac{\sqrt{3}.a^3}{12}$		0,25	
*Tính được $MC = a\sqrt{2}, MA = a$		*Tính được $EC = a\sqrt{2}, EA = a$		0,25	
Tính được $S_{\Delta AMC} = \frac{\sqrt{7}.a^2}{4}$		Tính được $S_{\Delta AEC} = \frac{\sqrt{7}.a^2}{4}$		0,5	1,5

Ghi được $V_{MACD} = \frac{1}{3} S_{\Delta AMC} \cdot d(D, (AMC))$	Ghi được $V_{EABC} = \frac{1}{3} S_{\Delta AEC} \cdot d(B, (AEC))$	0,5	
Tính được $d(D, (AMC)) = \frac{a\sqrt{21}}{7}$.	Tính được $d(B, (AEC)) = \frac{a\sqrt{21}}{7}$.	0,25	

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 6

Câu	Nội dung	Điểm
1		0,25
	$S_{\Delta ABC} = \frac{4^2 \sqrt{3}}{4} = 4\sqrt{3} (cm^2)$	1,25
	$V_{ABC.A'B'C'} = S_{\Delta ABC} \cdot AA' = 4 \cdot 4\sqrt{3} = 16\sqrt{3} (cm^3)$	1,5
2	Vẽ hình 	0,25
	$S_{ABCD} = 2a \cdot 2a = 4a^2 (dvdv)$	1,0
	Gọi $O = AC \cap BD$ $AC = \sqrt{AB^2 + BC^2} = \sqrt{(2a)^2 + (2a)^2} = 2a\sqrt{2}$	0,5
	$OC = \frac{AC}{2} = \frac{2\sqrt{2}a}{2} = \sqrt{2}a$	0,25
	SCO là góc tạo bởi cạnh bên và mặt đáy nên ta có: $\tan 60^\circ = \frac{SO}{OC} \Rightarrow SO = OC \cdot \tan 60^\circ = \sqrt{2}a \cdot \sqrt{3} = a\sqrt{6}$	0,5
	$V_{S.ABCD} = \frac{1}{3} S_{ABCD} \cdot SA = \frac{1}{3} 4a^2 \cdot a\sqrt{6} = \frac{4\sqrt{6}a^3}{3} (dvtv)$	1,0

3		0,25
	a) Tính thể tích của khối chóp.	
	$S_{\triangle ABC} = \frac{AC \cdot BC}{2} = \frac{a \cdot a\sqrt{2}}{2} = \frac{a^2\sqrt{2}}{2} \text{ (dvt)}$	0,5
	$SA = \sqrt{SC^2 - AC^2} = \sqrt{(a\sqrt{3})^2 - (a\sqrt{2})^2} = a$	0,5
	$V_{S.ABC} = \frac{1}{3} S_{\triangle ABC} \cdot SA = \frac{a^2\sqrt{2}}{2} \cdot a = \frac{a^3\sqrt{2}}{2} \text{ (dvt)}$	0,75
	b) Tìm tỷ số thể tích của khối chóp S.ADC và S.ADB	
	Do $BD = \frac{2}{3} BC$ nên $DC = \frac{1}{3} BD$ (1) $\triangle ABD$ và $\triangle ACD$ có cùng độ dài đường cao (2)	0,5
	Từ (1) và (2) ta có $S_{\triangle ACD} = \frac{1}{2} S_{\triangle ABD}$ Khối chóp S.ADC và S.ADB có cùng độ dài đường cao	0,5
	$\frac{V_{S.ADC}}{V_{S.ADB}} = \frac{1}{2}$	0,5

MA TRẬN MỤC TIÊU GIÁO DỤC VÀ MỨC ĐỘ NHẬN THỨC ĐỀ SỐ 6
KIỂM TRA CHƯƠNG I - HÌNH HỌC 12

MẠCH KIẾN THỨC	Tầm quan trọng	Trọng số	Tính % điểm trên tổng điểm ma trận	Qui điểm 10	Qui về bội của 0.25
Thể tích của lăng trụ	30%	2	60.00	3.093	3.00
Thể tích khối chóp tứ giác	22%	3	66.00	3.402	3.50
Thể tích khối chóp tam giác	38%	1	38.00	1.959	2.00
Tỷ số khối đa diện	10%	3	30.00	1.546	1.50
Tổng:	100%	9	194	10	10.00

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CHƯƠNG I - HÌNH HỌC 12
(DỰA TRÊN MA TRẬN NHẬN THỨC)

MẠCH KIẾN THỨC		Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Cộng
Thể tích của lăng trụ	KT, KN		Ch(1)		
	S. câu		1		1

	S. điểm		3.00		3.00
Thể tích khối chóp tứ giác	KT, KN			Ch(2)	
	S. câu			1	1
	S. điểm			3.50	3.50
Thể tích khối chóp tam giác	KT, KN	Ch(3)			
	S. câu	1			1
	S. điểm	2.00			2.00
Tỷ số khối đa diện	KT, KN			Ch(4)	
	S. câu			1	1
	S. điểm			1.50	1.50
Tổng:	S. câu	1	1	2	4
	S. điểm	2.00	3.00	5.00	10.00

Bảng mô tả KT,KN:

Ch(1): Áp dụng công thức tính thể tích của khối lăng trụ

Ch(2): Vận dụng công thức tính thể tích của khối chóp tam giác

Ch(3): Áp dụng công thức tính thể tích của khối chóp tứ giác

Ch(4): Tìm tỷ số thể tích của hai khối đa diện